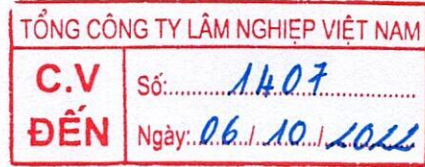


Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 03/8/2022

V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất

Tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán"



CHƯA CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Hải

2. Bà Trần Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/7/2022 và 03/8/2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 48/2019/TLST-DS ngày 26/12/2019 về việc kiện "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và Hợp đồng giao khoán", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-ST ngày 08/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nhắc, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977

+ Ông Tạ Quang Trang, sinh năm 1983

+ Bà Hoàng Thị Thùy Dương, sinh năm 1994

Là Luật sư Công ty Luật TNHH Đức Thành thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 Vinhomes D'Capitale Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

(Có mặt ông Dũng, ông Trang, vắng mặt bà Dương)

2. Bị đơn: Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Trụ sở: Số 127 Lò Đúc, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Khánh, sinh năm 1965, chức vụ: Tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị Phong Lan, sinh năm 1978, chức vụ: Cán bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

+ Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm, sinh năm 1995, chức vụ: Cán bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

+ Ông Phạm Huy Bình, sinh năm 1980, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

(Văn bản ủy quyền số 33 ngày 07 tháng 01 năm 2020)

(Có mặt ông Bình, vắng mặt bà Lan, bà Diễm)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Cao Cường, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Nhắc trình bày:

Bà nguyên là công nhân của Lâm trường Đồng Hỷ từ 1982 đến năm 2001 thì bà về hưu. Tháng 7/1997 bà làm đơn xin giao đất giao rừng, năm 1998 bà được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất giao rừng, tổng diện tích là 11,9ha tại tiểu khu 413, cụ thể diện tích đất trong sổ xanh bà được cấp gồm khoảnh 3, lô 6 có diện tích là 8,40ha; khoảnh 3, lô 8 có diện tích 3,50ha tại hồ sơ giao đất giao rừng số 111 ngày 20/7/1998. Khi lấy sổ bà phải trả cho Lâm trường Đồng Hỷ số tiền là 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng)/1ha, nộp cho ông Phạm Văn Trình là cán bộ của Lâm trường Đồng Hỷ thì mới được đem sổ xanh về. Ông Trình thu số tiền này có ghi vào sổ của ông Trình chứ bà không được giữ biên lai hay giấy tờ gì. Việc giao đất giao rừng có hồ sơ giao đất giao rừng và được cấp sổ xanh từ năm 1998. Khi giao đất giao rừng Lâm trường Đồng Hỷ có đo vẽ, có bản đồ đo đạc lưu trong hồ sơ giao đất giao rừng, Lâm trường Đồng Hỷ chỉ giao đất trồng. Năm 1999 bà có làm hợp đồng trồng và chăm sóc rừng trồng vốn vay tín dụng với diện tích là 4,31ha, mỗi 1ha cây Mỡ được vay là 3.592.000đ. Ký hợp đồng là 4,31ha nhưng thực tế bà chỉ vay 3,50ha x 3.592.000đ/1ha = 12.572.000đ. Khi ký hợp đồng vay vốn Ngân hàng qua Lâm trường để trồng rừng, trong hợp đồng có thỏa thuận cuối chu kỳ trồng rừng bà phải trả sản phẩm bằng 55 khối gỗ/1ha. Bà đã tiến hành trồng rừng trên toàn bộ diện tích đất được Lâm trường giao.

Trên đất gia đình bà trồng cây mỡ, keo, bồ đề. Năm 2008 bà trả cho Công ty ván dăm Thái Nguyên sản phẩm theo đúng như thỏa thuận là 55 khối gỗ/1ha, nhưng do thiếu sản phẩm nên đến năm 2011 thì bà khai thác gỗ và trả cho Công ty ván dăm Thái Nguyên bằng tiền mặt không phải trả bằng gỗ, số tiền bà đã trả là 38.876.654đ. Năm 2005 bà có khai hoang thêm được diện tích đất khoảng 10ha diện tích giáp với diện tích đất được Lâm trường giao, diện tích đất bà khai hoang thêm được là diện tích đất đồi hoang không ai quản lý, trên đất chỉ có cây giang, cây mịch, cây lau, cây le.

Hiện nay tiểu khu, số lô, số khoảnh toàn bộ diện tích đất rừng của bà khác so với số lô, số khoảnh bà được giao trong sổ xanh do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên (viết tắt là Công ty) tự đặt tên số lô, số khoảnh mới khi đo đạc, tiểu khu 413 trước đây nay là tiểu khu 195.

Trong khoảnh 3, lô 6 có diện tích là 8,40ha; khoảnh 3, lô 8 có diện tích 3,50ha được cấp trong sổ xanh và số diện tích bà khai hoang cạnh khu vực đất rừng được giao có diện tích khoảng 13 ha, tổng diện tích đất rừng của gia đình bà khoảng 22,09ha thì hiện nay Công ty đã chia ra làm rất nhiều lô, có lô đã ký hợp đồng với Công ty, có lô chưa ký hợp đồng với Công ty, gồm:

+ Lô A7 có diện tích 1,35ha, bà đã trồng rừng được một chu kỳ từ năm 2002. Đến năm 2014 ông Trình bảo ký hợp đồng với Công ty lâm nghiệp lấy một mom đồi (là một đồi) này để sau này có giấy tờ khai thác gỗ cho các diện tích khác, nhưng đây là hợp đồng không, bà chỉ được ký không có nội dung, bà có lấy tiền đầu tư của Công ty;

+ Lô A10A có diện tích 0,96ha. Năm 2015 có ký hợp đồng với Công ty lâm nghiệp nhưng đây là hợp đồng không, bà chỉ được ký không có nội dung, bà cũng không được nhận tiền đầu tư và phải nộp 700.000đ tiền đường cho ông Trình không có giấy tờ gì thì mới được khai thác cây.

+ Khoảnh 3, lô 4 năm 2012 ông Trình bảo bà phải ký hợp đồng giao khoán rừng với Công ty ván dăm Thái Nguyên với diện tích 1,75ha vẫn trong diện tích do Lâm trường Đồng Hỷ giao thì mới có giấy vận chuyển gỗ khi đến thời điểm thu hoạch sản phẩm. Bà không biết 1,75ha này nằm ở lô, khoảnh nào. Hợp đồng này do ông Trình đưa cho bà ký, còn bà không được thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng, hợp đồng này Công ty không đầu tư vốn cho bà nhưng trong nội dung hợp đồng có ghi lấy 15m³ gỗ/1ha khi thu hoạch và hợp đồng này bà biết Công ty chưa được cấp quyền sử dụng đất, do tháng 8/2019 Công ty đưa danh sách rà soát hợp đồng giao nhận khoán đối với diện tích cấp mới tại xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến cho bà. Hợp đồng này bà cho rằng không hợp lệ vì dấu

của UBND xã Hợp Tiến là dấu đen, còn dấu của Công ty lâm nghiệp là dấu đỏ, chữ ký của bà là chữ ký phôi tô. Đến nay diện tích đất này vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty lâm nghiệp do có tranh chấp nhưng Công ty Lâm nghiệp cho rằng toàn bộ diện tích đất có trong sổ xanh của bà là thuộc đất do Công ty lâm nghiệp quản lý.

Tháng 02/2021 Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên có thông báo về đòi sản phẩm của lô 1,75ha, nhưng do Công ty không đầu tư vốn, có tranh chấp nên bà chưa trả sản phẩm cho Công ty.

Trong quá trình được giao đất giao rừng thì Công ty ván dăm trước đây cũng như Công ty Lâm nghiệp sau này hàng năm đều trả tiền công lao động cho người trực tiếp trồng rừng, đây là tiền công chăm sóc cây. Thường số tiền này được trả vào cuối năm. Số tiền đầu tư của công ty bà nhận ban đầu, khi bà thu hoạch cây bà đã trả đủ sản phẩm cho công ty.

+ Tiểu khu 413, lô G10, khoảnh 3 có diện tích 1,1ha vẫn nằm trong diện tích sổ xanh được giao năm 1998, gia đình bà có canh tác trồng lúa, sắn, đến năm 2005 gia đình bà tự bỏ vốn trồng keo trên diện tích đất đó. Đến năm 2013 thì gia đình bà khai thác, khi bà khai thác gỗ xong thì ông Trình là Đội trưởng đội sản xuất lâm nghiệp Hợp Tiến có nói với bà Công ty có sổ đỏ, phải ký hợp đồng với công ty không thì công ty sẽ thu hồi đất. Do thiếu hiểu biết nên bà đã ký hợp đồng với công ty một chu kỳ cây, công ty đã đầu tư cho bà 1.050.000đ, còn cây giống, phân bón bà tự bỏ vốn mua, thỏa thuận khi đến chu kỳ thu hoạch cây thì Công ty lấy 27m³ gỗ/1ha. Hợp đồng này không hợp lệ vì dấu của UBND xã Hợp Tiến là dấu đen, còn dấu của Công ty lâm nghiệp là dấu đỏ, chữ ký của bà là chữ ký phôi tô. Hợp đồng này do Công ty thảo sẵn nội dung chứ bà không được thỏa thuận nội dung trong hợp đồng, chỉ đưa hợp đồng cho bà ký, trong nội dung hợp đồng không có lô, khoảnh, diện tích là gì.

Tháng 02/2021 Công ty thông báo đòi sản phẩm, tháng 7/2021 gia đình bà thuê phát hết 2.500.000đ để phát quang rừng và tiến hành khai thác sản phẩm. Ngày 06/8/2021 bà có trả cho Công ty lâm nghiệp sản phẩm bằng tiền tương đương với 29,7 m³ gỗ/1,1ha x 750.000đ là 22.275.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Đến ngày 25/8/2021 gia đình phát đốt, dọn và trồng đến 30/8/2021 là trồng xong. Sáng 31/8/2021 Công ty thuê 5 người dân xóm Bãi Vàng và một số cán bộ công nhân của Công ty khoảng 20 người mang cây keo đến trồng chen vào diện tích rừng bà đã trồng xong. Bà đã báo chính quyền, UBND xã Hợp Tiến đã lập biên bản về việc này và yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng.

Tiểu khu 413, lô G10, khoảnh 3 có diện tích 1,1ha vẫn nằm trong diện tích sổ xanh được giao năm 1998.

+ Năm 2007 bà khai hoang khoảng 5ha đất rừng, liền kề với đất sổ xanh và trồng được một chu kỳ cây. Năm 2015 Công ty ép bà ký khống trong sổ bì xanh và bà không lấy tiền đầu tư, cuối chu kỳ bà không lấy hợp đồng nên bà cũng không biết lô, khoảnh nào.

+ Năm 2007 bà khai hoang khoảng 5,35ha đất rừng, liền kề với đất sổ xanh và trồng được một chu kỳ cây. Năm 2016 Công ty lại tiếp tục ép bà ký Hợp đồng khống 5, 35ha và bà không lấy tiền đầu tư, cuối chu kỳ bà không lấy hợp đồng nên bà cũng không biết lô, khoảnh nào.

+ Năm 2011 bà ký hợp đồng giao rừng với Công ty, ký khống là 1,8ha, đây là diện tích đất rừng Pam được giao từ năm 1992. Ký khống, không đầu tư gì và lấy khống 15m³ gỗ/1ha, bà đã trả sản phẩm cho Công ty. Đến 2016 khai thác, năm 2017 tiếp tục ký hợp đồng với công ty.

+ Năm 1996 bà tự khai phá được diện tích 1,29ha, sau đó có dự án 327 bà đăng ký danh sách để nhận đầu tư rừng 327. Công ty đã khai thác hết năm 2007, bà lại tự bỏ vốn ra trồng nhưng bắt bà trả 15m³/1ha khu Khe Châm.

Như vậy tổng số diện tích đất rừng mà Công ty đã ký khống hợp đồng với bà là khoảng 21ha, số diện tích còn lại khoảng 4ha là không có hợp đồng. Gia đình bà không tiến hành đo đạc bao giờ, diện tích đất này bà không biết thuộc tiểu khu nào, lô nào, khoảnh nào.

Khoảng năm 2007, 2008 bà mở đường khoảng 1km, thuê máy mức hết 500 tiếng x 400.000đ/1 tiếng (Cuối năm 2007) = 200.000.000đ, đầu năm 2008 mức tiếp là 332 tiếng x 400.000đ/tiếng = 132.800.000đ. Năm 2016 bà lại thuê mức hết 150 tiếng x 450.000đ/tiếng = 67.500.000đ.

Năm 2016 Công ty lâm nghiệp tiến hành cắm mốc và thông báo cho gia đình bà là đất của công ty, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Công ty lâm nghiệp vào đo đạc, cắm mốc khi nào thì bà không được biết. Cũng trong năm 2016 khi đến thời kỳ thu hoạch cây Công ty lâm nghiệp ép bà phải ký hợp đồng giao khoán thì mới cho bà giấy vận chuyển cây, nên bà có ký vào hợp đồng giao khoán do Công ty giao cho, nhưng bà không lấy tiền đầu tư của Công ty. Công ty có thông báo về cho bà nếu không nhận tiền đầu tư ban đầu thì khi đến thời kỳ khai thác sản phẩm sau 5 đến 7 năm vẫn phải trả cho Công ty sản phẩm theo hợp đồng và Công ty sẽ thanh toán tiền đầu tư ban đầu

Nay bà yêu cầu xác định toàn bộ diện tích đất đã được Lâm trường Đồng Hỷ giao có diện tích là 11,9ha, diện tích khai hoang thêm khoảng 13ha, tổng diện tích khoảng 25 ha cùng toàn bộ cây cối, đường đi và tài sản trên đất là của bà.

Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA866527 và BA 866776 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/02/2011.

Đối với các Hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty lâm nghiệp là bị ép buộc và ký không, nên bà đề nghị hủy toàn bộ các hợp đồng đó.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Huy Bình trình bày:

* Về nguồn gốc đất: Năm 1973 tại Quyết định số 11/TCCQ ngày 12/01/1973 hợp nhất lâm trường Phúc Trìu với Lâm trường Trại Cau thành Lâm trường Đồng Hỷ.

Năm 1992, tại Quyết định số 634/UB – QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái thành lập doanh nghiệp Nhà nước là Lâm Trường Đồng Hỷ, khi thành lập doanh nghiệp thì tổng diện tích rừng và đất rừng được giao cho Lâm trường Đồng Hỷ là 13.065ha.

Từ năm 1993 đến năm 1998 lâm trường Đồng Hỷ tiến hành giao đất, giao rừng cho cán bộ nhân viên và một số bà con nhân dân tại địa bàn địa phương để phủ xanh đất trống, đồi trọc.

Năm 1998 tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam với nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư được thể hiện tại Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam tháng 12/1998.

Năm 1999 tại Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/01/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên.

Năm 2003 tại Quyết định số 248/QĐ – BNN –TCCB ngày 28/01/2003 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và đổi tên thành Công ty ván dăm Thái Nguyên.

Năm 2005 tại Thông báo số 34 ngày 21/01/2005 của Công ty ván dăm Thái nguyên gửi tới các sở ban ngành xác định toàn bộ số giao đất giao rừng cho các hộ đến ngày 30/3/2005 không còn giá trị sử dụng phải chuyển sang hình thức hợp đồng giao khoán.

Tại Văn bản 1294/UBND – NLN ngày 28/11/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo các hộ dân phải ký hợp đồng giao khoán với Công ty.

Năm 2009 tại kết luận thanh tra số 1655 ngày 17/7/2009 của sở tài nguyên môi trường kết luận việc chấp hành pháp luật của Công ty ván dăm, trong đó có nội dung xác định Lâm trường sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là sai mẫu giao khoán trồng và bảo vệ rừng, thực chất là hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng. Công ty quản lý diện tích đất rừng tại xã Hợp

Tiến là 2.211,08ha

Năm 2010 tại Quyết định 1386/QĐ – BNN – ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định chuyển Công ty ván dăm Thái Nguyên thuộc Công ty lâm nghiệp Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên ván dăm Thái Nguyên.

Ngày 15/02/2011 tại Quyết định số 320 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên với diện tích đất rừng sản xuất là 12.919.983,0m² tại khu vực thuộc xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2012 tại Quyết định số 259 QĐ – BNN – ĐMDN ngày 13/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván dăm Thái Nguyên vào Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

Ngày 21/11/2014 UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản số 3231 về việc chấp thuận việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên, trong đó thống nhất diện tích đất Công ty tiếp tục để lại sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp tại huyện Đông Hỷ là 30.149.046m², trong đó xã Hợp Tiến (đất lâm nghiệp): 10.959.700m². Công ty trả lại địa phương tại xã Hợp Tiến với diện tích là 10.446.000m².

Năm 2015 tại Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định thu hồi đất do Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty Lâm nghiệp Đông Hỷ tự nguyện trả lại đất cho UBND các xã để quản lý theo quy hoạch. Riêng xã Hợp Tiến đã thu hồi đợt 1 diện tích 8.172.262,0m².

Năm 2016 tại Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính Phủ đã quyết định phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam thành Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần với vốn Nhà nước chiếm 51%, về đất đai thì vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất theo phương án sản xuất kinh doanh tại 12 tỉnh, thành phố là 43.400,7ha và Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất.

* Đối với diện tích đất bà Nhắc đang khởi kiện:

Toàn bộ diện tích đất trong sổ lâm bạ của bà Nhắc được nhận là 11,9ha cùng toàn bộ diện tích đất mà bà Nhắc cho rằng bà Nhắc khai hoang đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Hiện nay toàn bộ diện tích đất gia đình bà Nhắc đang sử dụng đều có số ô, số thửa, diện tích. Một phần diện tích đã ký hợp đồng giao khoán, còn một phần diện tích đến nay chưa ký hợp đồng giao khoán, diện tích bà Nhắc đang tranh chấp với Công ty theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ theo chỉ dẫn của gia đình bà Nhắc, cụ thể:

* Vị trí 1 tại khu vực khoảnh 3, tiểu khu 195:

- Diện tích 230.387,8m² bao gồm diện tích keo: 180.624,2m², diện tích mỡ: 40367,2m² và diện tích đường: 9.396,4m². Đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến đo năm 2006 thì diện tích 213.388,0m² thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011. Còn lại diện tích 8723,5m² thuộc thửa số 5 và diện tích 8276,3m² thuộc thửa số 11 tờ bản đồ địa chính số 1 không nằm trong diện tích đất của Công ty. Đối với diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 1 Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên đang giao khoán cho bà Trần Thị Nhắc tại các hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 7/2012-HĐ ký ngày 23/4/2012 tại lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 1,75 ha (17.500 m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng Mỡ trồng năm 2012, bà Nhắc vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Hợp đồng trồng rừng số 4/2013-HĐ ký ngày 05/10/2013 tại lô G10, khoảnh 3, tiểu khu 195. Năm 2021, bà Nhắc khai thác trả sản phẩm nhưng không thanh lý hợp đồng, chồng đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Công ty đã thu hồi và tự tổ chức trồng rừng kế hoạch năm 2021 bằng Hợp đồng số 135/CT-LN-HĐTR ký ngày 28/6/2021 tại lô G10, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 1,30 ha (13.000 m²).

+ Hợp đồng số 7/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A7, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 1,35 ha (13.500 m²). Năm 2021, bà Nhắc khai thác trả sản phẩm nhưng không thanh lý hợp đồng, chồng đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên mà chiếm đất tự ý trồng rừng năm 2021.

+ Hợp đồng số 7/2015-HĐ ký ngày 10/12/2015 tại lô B15 và B16, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 5,00 ha (50.000m²). Tại vị trí này, năm 2021 bà Trần Thị Nhắc đã tự ý khai thác rừng, chồng đối không giao nộp sản phẩm gỗ theo hợp đồng đã ký, chưa thanh lý hợp đồng và tự ý chiếm đất của Công ty trồng rừng năm 2021.

+ Hợp đồng số 19/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 tại lô C23 và C23a, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 5,35 ha (53.500 m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2016, bà Nhắc vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Diện tích còn lại bà Nhắc đang lấn chiếm đất của Công ty tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

* Vị trí 2, tại khu vực khoảnh 11B, tiểu khu 195:

- Diện tích đo hiện trạng 19.002,8 m² bao gồm diện tích phân: 5.119,9m², diện tích đường: 723,1m² và diện tích keo: 13.159,8m². Đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến thuộc thửa 182 tờ bản đồ số 4 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011. Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên đang giao khoán cho bà Trần Thị Nhắc tại các hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 52/2018-HĐTR ký ngày 28/02/2018 tại lô E41, khoảnh 11B, tiểu khu 195, diện tích 1,80 ha (18.000m²). Tại vị trí này, vẫn đang còn rừng keo trồng năm 2018, bà Nhắc vẫn chưa khai thác và thanh lý hợp đồng.

+ Diện tích còn lại bà Nhắc đang lấn chiếm đất của Công ty tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

* Vị trí 3, tại khu vực khoảnh 3, tiểu khu 195:

- Diện tích 14.909,0 m² đối chiếu với bản đồ giải thửa địa chính xã Hợp Tiến thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 1 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2011. Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên đang giao khoán cho bà Trần Thị Nhắc tại các hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 7/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A11, khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 1,29 ha (12.900m²).

Tại vị trí này, năm 2021, bà Nhắc khai thác trả sản phẩm nhưng không ký thanh lý hợp đồng, chống đối không ký lại hợp đồng với Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên mà chiếm đất tự ý trồng rừng năm 2021.

+ Diện tích còn lại, bà Nhắc đang lấn chiếm đất của Công ty tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên được giao, được thuê.

Việc ký hợp đồng giao khoán giữa hai bên là tự nguyện kèm theo đơn xin nhận khoán, bà Nhắc được ký hợp đồng. Công ty chỉ đầu tư đất đã được cấp giấy chứng nhận và được giao quản lý. Sau khi được cấp giấy chứng nhận thì chuyển sang thuê đất. Công ty là chủ rừng khi ký hợp đồng giao khoán đã có thỏa thuận đôi bên, các điều khoản khối lượng theo từng chu kỳ, hợp đồng giao khoán có đầy đủ các nội dung, quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hợp đồng sau khi ký đã được các bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng, đối với diện tích rừng nào được khai thác thì khi khai thác đã trả sản theo đúng thỏa thuận. Năm 2018 các hộ dân đã có đơn và trực tiếp dẫn công ty đi đo đạc rõ ranh giới, diện tích của từng hộ đang sử dụng trên đất công ty quản lý.

Vì vậy nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty, xác định toàn bộ diện tích đất là của nguyên đơn và Hủy các hợp đồng giao khoán đã ký kết là không có căn cứ, vì đất của công ty đã được Nhà nước giao và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự và giao khoán cho nguyên đơn có hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy Công ty đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Cao Cường trình bày: Anh là con của bà Nhắc, khi bà Nhắc được Lâm trường giao đất có hồ sơ giao đất, giao rừng, anh đã cùng bà Nhắc trồng cây và khai hoang thêm để trồng rừng từ đó cho đến nay, khi khai hoang không thấy có ai nói gì. Anh nhất trí với ý kiến của nguyên

đơn là bà Nhắc.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn luật sư Mai Tiến Dũng, Tạ Quang Trang trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa có ý kiến trình bày và tranh luận:

Yêu cầu xác định 24,79ha đất lâm nghiệp, trong đó 11,8ha đất được giao trong sổ xanh và 12,89ha đất khai khẩn cùng cây trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 và BA 866527 đã cấp cho Tổng công ty lâm nghiệp ngày 15/02/2011; Yêu cầu hủy các hợp đồng đã ký với Công ty do bị lừa dối.

Về căn cứ khởi kiện trong số diện tích đất bà Nhắc đang khởi kiện, thì diện tích 11,9 ha có nguồn gốc của bà Nhắc được Lâm trường Đồng Hỷ giao có Hồ sơ giao đất, giao rừng, có quyết định giao đất, giao rừng. Hồ sơ giao đất này thực chất là Hợp đồng giao khoán như phía bị đơn xác định nhưng không có thiết kế trồng cây gì, mật độ bao nhiêu, chu kỳ bao nhiêu, trả sản bao nhiêu, không có thời hạn nên xác định việc giao đất giao rừng là theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thời hạn giao là 50 năm, hiện nay chưa bị thu hồi nên vẫn còn giá trị và bà Nhắc được quyền sử dụng. Căn cứ vào Điều 4 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 thì Hợp đồng giao khoán bị hủy bỏ khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo pháp luật hoặc điều chỉnh bổ sung theo thỏa thuận giữa bên giao khoán và bên nhận khoán. Căn cứ Điều 6 Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 có quy định giao đất cho hộ gia đình, việc áp dụng Nghị định số 01-CP ngày 04/01/1995 của bị đơn là không đúng vì Nghị định này chỉ áp dụng trong các doanh nghiệp Nhà nước chứ không áp dụng cho các hộ gia đình. Theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994, thì các Hợp đồng giao khoán chỉ bị hủy khi có quyết định thu hồi, nếu Hợp đồng giao khoán này chưa có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi thì nó vẫn còn hiệu lực và thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày nhận, vì vậy Hồ sơ giao khoán này đến nay chưa hết thời hạn. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Ván dăm của UBND tỉnh Thái Nguyên là không đúng quy định, vì không rà soát trước khi cấp, không khảo sát thực tế. Hồ sơ giao khoán vẫn đang có hiệu lực pháp luật, người dân vẫn đang sử dụng ổn định, nếu muốn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thì phải thu hồi. Đối với cá nhân, hộ gia đình thì UBND huyện phải tiến hành thu hồi Hồ sơ giao khoán này thì mới đủ căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Theo quy định tại Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành Luật đất đai năm 2003 có quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền, trong đó có tổ chức được nhà nước giao đất cho thuê đất để sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ nhân viên. Bà Nhắc được cấp từ năm 1998, phù hợp với Điều 23, do vậy việc bà Nhắc khởi kiện là có căn cứ.

Ngoài ra bà Nhắc tự khai hoang thêm khoảng 13 ha (sát diện tích đất được giao trong sổ giao khoán). Số diện tích đất khai hoang trong một thời gian dài, phía Công ty lâm nghiệp không có ý kiến gì, gần đây mới có ý kiến.

Việc Công ty Lâm nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có sơ đồ thửa đất, không có ranh giới, vị trí, tọa độ để xác định vị trí đất đã được giao nên công ty lâm nghiệp không có căn cứ để khẳng định diện tích đất mà gia đình bà Nhắc đã khai hoang nằm trong phần diện tích đất mà công ty đã được giao và quản lý.

Lý do đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty là do đã cấp chồng lấn lên diện tích đất mà bà Nhắc đã được cấp trong hồ sơ giao đất giao rừng và chưa bị thu hồi.

Yêu cầu hủy các Hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty lâm nghiệp do hợp đồng có dấu hiệu bị ép ký và ký khống, cho người dân ký trước, sau đó mới điền nội dung. Chữ ký là của người nhận khoán nhưng nội dung không được thỏa thuận, diện tích nhận khoán là ghi sau. Vì vậy đề nghị giám định tuổi mục trong hợp đồng để xem xét lời trình bày của nguyên đơn xác định ký hợp đồng trước sau đó mới điền nội dung là có căn cứ.

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến để tiến hành làm bản tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Tại phiên hòa giải các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 49, 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định diện tích đất 247.299,8m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị Nhắc tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 1; thửa số 182, tờ bản đồ số 4 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 và BA 866527 đã cấp cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên; Hủy các hợp đồng giao khoán đã ký kết do bị ép ký, ký khống. Về chi phí tố tụng và án phí: Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng và miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nhắc, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hợp đồng giao khoán*” được quy định tại

khoản 3, 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã có mặt 02 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Dũng và ông Trang, bị đơn đã có người đại diện theo ủy quyền là ông Bình và vắng mặt 1 người ủy quyền của nguyên đơn là bà Trang và 02 người ủy quyền của bị đơn là bà Lan và bà Diễm, các bên không có ý kiến gì, đề nghị xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trang, bà Lan, bà Diễm.

** Về nội dung:*

Trong đơn khởi kiện ban đầu bà Nhắc làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với đất được Lâm trường Đông Hỷ giao và đất khai hoang, đồng thời buộc công ty dừng việc ép ký hợp đồng chưa có số lượng, diện tích trước khi khai thác và dừng thu khoán sản phẩm trái quy định trên toàn bộ diện tích đất.

Sau đó bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu xác định toàn bộ diện tích đất được Lâm trường Đông Hỷ giao có hồ sơ giao đất năm 1998 và đất tự khai hoang cùng toàn bộ tài sản trên đất là của bà. Yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA866527 và BA 866776 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/02/2011 cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên với lý do toàn bộ diện tích đất này được Lâm trường Đông Hỷ giao và bà khai hoang thêm thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bà. Việc Công ty TNHH MTV Ván Dăm tự cắm mốc và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng và hủy tất cả các hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty Lâm nghiệp từ năm 2011 do bị ép ký và ký khống. Nguyên đơn xác định đất là của nguyên đơn nên xác định toàn bộ cây cối, tài sản, đường đi trên đất là của nguyên đơn. Yêu cầu hủy tất cả các Hợp đồng giao khoán đã ký kết với công ty do bị ép buộc và ký khống.

[1] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 866776 và BA 866527 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam được cấp ngày 15/02/2011 cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận diện tích 24,79 ha đất rừng bao gồm tại tiểu khu 413 khoảnh 3, lô 6 có diện tích là 8,40ha; khoảnh 3, lô 8 có diện tích 3,50ha và 12,89ha đất tự khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ qua kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ có tổng diện tích là 247.299.8m² (24,72 ha) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

**Về nguồn gốc đất:* Lâm trường Đông Hỷ được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái thành lập ngày 12/01/1973 theo Quyết định số 11/ TCCQ trên cơ sở

hợp nhất lâm trường Phúc Trìu với Lâm trường Trại Cau trực thuộc Ty lâm nghiệp Bắc Thái. Năm 1992 thành lập Doanh nghiệp Nhà Nước Lâm Trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích rừng và đất rừng được giao 13.065ha. Năm 1998 UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định chuyển Lâm trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở lâm nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam quản lý. Năm 1999 Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn đã quyết định đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên trực thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên và đổi tên Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thành Công ty ván dăm Thái Nguyên. Năm 2012 sáp nhập Công ty ván dăm Thái Nguyên vào Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Tại Quyết định 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 16/03/2012 đã quyết định thành lập Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên

Diễn biến hình thành, biến động quyền sử dụng đất của Lâm trường Đồng Hỷ (nay là Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam Công ty cổ phần) thể hiện theo các văn bản, quyết định: - Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Thái Nguyên quyết định về việc thành lập Doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Đồng Hỷ với vốn rừng được cấp là 13.065ha (BL 331);- Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam trên nguyên tắc bàn giao nguyên trạng, nguyên canh, nguyên cư, với tổng diện tích đất lâm nghiệp của Lâm trường là 11.553ha (BL 330) ; Tại Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên kết luận việc chấp hành pháp luật về đất đai đối với Công ty ván dăm Thái Nguyên đã kết luận qua kiểm tra đối soát tổng diện tích đất Công ty ván dăm Thái Nguyên thì đất lâm nghiệp còn lại diện tích 10.099,96ha, nhưng thực tế quản lý và sử dụng 8.077,87ha đất lâm nghiệp (BL 310); Quyết định số 320/QĐ-UBND Ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp giấy chứng nhận cho Công ty TNHH MTV ván dăm Thái Nguyên, tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ là 12.919.983,0m² (1.292ha) (BL 306). Tại Công văn số 3231/UBND-NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích công ty để lại khi thực hiện cổ phần hóa tại xã Hợp Tiến là 10.959.700m² (1.095ha)

Năm 1998 khi chuyển giao Lâm trường Đồng Hỷ về Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam đã có Biên bản kiểm kê rừng và đất lâm nghiệp do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý BL 322), thì diện tích đất của Lâm trường Đồng Hỷ có vị trí tứ cận: Phía Bắc giáp tuyến đường Linh Sơn đi La Hiên và Võ Nhai, Đông giáp huyện Võ Nhai, Tây giáp các xã Linh Sơn, Nam Hòa, Hợp Tiến, Tân Lợi, Nam giáp tỉnh Hà Bắc. Lâm trường nằm trên đất của các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Hợp Tiến và Tân Lợi bao gồm 04 phân trường I, II, III, IV có 15 tiểu khu 402A, 402B, 403, 404, 401, 407, 408A, 408B, 409, 410, 411B, 412, 413, 414, 416, tổng diện tích đất lâm nghiệp 11.553ha.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Trải qua các thời kỳ chuyển giao từ Lâm trường Đồng Hỷ đến nay là Chi nhánh Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công Ty cổ Phần – Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên thì diện tích đất được bàn giao nguyên trạng. Tuy nhiên trong phạm vi ranh giới Lâm trường Đồng Hỷ có nhiều dân cư sinh sống, số dân cư này đã chiếm giữ một phần đất của lâm trường, một phần được Công ty trả về địa phương quản lý sau khi cổ phần hóa.

Bà Nhắc cũng xác định năm 1998 bà được Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng và cung cấp Hồ sơ giao đất giao rừng (BL 13). Sau khi nhận hồ sơ giao đất, giao rừng bà đã trồng cây trên đất. Tuy nhiên bà Nhắc cho rằng việc được cấp sổ lâm bạ là đã được cấp quyền sử dụng đất, nhưng theo quy định tại Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 01- CP ngày 04/01/1995 của Chính Phủ đã quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích đất lâm nghiệp và việc giao, nhận khoán đất phải thông qua hợp đồng, việc giao nhận khoán để bên nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng theo hợp đồng và thời hạn giao khoán đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh và căn cứ để giao nhận khoán là quỹ đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao cho Bên giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Lâm nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước thực hiện việc giao khoán đất là Lâm trường quốc doanh

Do vậy, việc Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước được giao đất và đứng ra thực hiện giao khoán đất nhưng lại sử dụng mẫu giao đất giao rừng của UBND huyện Đồng Hỷ là không đúng quy định, điều này cũng đã được Công ty ván dăm Thái Nguyên chỉ đạo chuyển từ sổ lâm bạ sang hình thức Hợp đồng giao khoán, thời gian chuyển đổi từ tháng 01/2005 đến 30/3/2005, sau thời gian này sổ lâm bạ được Lâm trường Đồng Hỷ giao không còn giá trị sử dụng (BL 315) và tại kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cũng đã chỉ ra (BL310).

Đối với việc nguyên đơn cho rằng đã khai hoang được diện tích đất khoảng 13ha từ năm 1996 đến 2008, diện tích đất này là diện tích đất bỏ hoang, không có ai quản lý, sử dụng, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho việc khai hoang và kể từ khi khai hoang cho đến nay thì bà Nhắc cũng chưa bao giờ kê khai với bất cứ cơ quan nào, cũng không xin được khai hoang diện tích đất nào mà theo quy định tại Điều 103, 104 Luật đất đai năm 2003 quy định việc quản lý đất chưa sử dụng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.

Mặt khác, qua trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ (BL 496) , xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có bà Nhắc, đất đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. Qua xác minh và trả lời của UBND xã Hợp Tiến (BL 492, 541) , xác định diện tích đất

11 hộ đang tranh chấp với Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty lâm nghiệp trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất; Qua hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã Hợp Tiến thì không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Do vậy việc bà Nhắc và anh Cường cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên quản lý là không có căn cứ và cơ sở để chấp nhận

* Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trên cơ sở nguồn gốc đất được cấp cho Lâm trường Đồng Hỷ, đến năm 2011 thì Công ty TNHH MTV Ván dăm tiến hành làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại Công văn số 1217/UBND-CNN&XD ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên (BL 489) trả lời về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm đã xác định: Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065ha. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ được đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Ngày 28/01/2003 Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên được đổi tên là Công ty Ván dăm Thái Nguyên. Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất đề nghị cấp GCNQSD đất, xác nhận đủ điều kiện vào đơn xin cấp GCNQSD đất trình lên Sở Tài Nguyên và Môi trường theo quy định.

Ngày 29/01/2011 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trình UBND tỉnh cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại tờ trình số 62/TTr-STNMT.

Ngày 15/02/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên tại xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, đồng thời ký GCNQSD đất cho Công ty. Về thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 do UBND tỉnh cấp ngày 15/02/2011 cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng diện tích đất đã được cấp trong hồ sơ giao đất giao rừng năm 1998 và hồ sơ giao khoán này vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi nhưng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là không đúng theo quy định tại Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994, dẫn tới cấp chồng lấn lên phần diện tích đất nguyên đơn đã được giao theo Hồ sơ giao đất, giao rừng đã và đang sử dụng cho bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao đất của Lâm trường Đồng Hỷ trên cơ sở diện tích đất mà Lâm trường Đồng Hỷ được UBND tỉnh Bắc Thái giao đất và rừng tại Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 08/12/1992, diện tích đất này thuộc quỹ đất của Lâm trường Đồng Hỷ là Doanh nghiệp Nhà nước. Còn việc giao đất cho các hộ dân theo Nghị định số 02-CP ngày 04/01/1994 trên cơ sở quỹ đất lâm nghiệp của từng địa phương và thẩm quyền quyết định xác lập các khu rừng và giao đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài trong trường hợp này là Chủ tịch UBND cấp huyện theo Điều 8 của Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng và thời hạn giao đất cho hộ gia đình cá nhân là 50 năm, thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là Ủy ban nhân dân huyện giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai năm 1993.

Mặt khác theo quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Điều 99 Luật đất đai năm 2013 và Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong đó tại khoản 4 Điều 19 có quy định “4. *Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng*”

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Diện tích đất bà Nhắc đang tranh chấp với Công ty lâm nghiệp Thái Nguyên, qua kết quả đo đạc theo chỉ dẫn của bà Nhắc là 247.299,8m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên nay thuộc Tổng Công ty lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần trong đó: Diện tích 19002,8m² thuộc thửa số 182, tờ bản đồ địa chính số 4 xã Hợp Tiến có diện tích 600868,0m², đất rừng sản xuất giấy chứng nhận số BA 866527 do UBND tỉnh cấp ngày 15/02/2011 và diện tích 228.297m² thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 có diện tích 6.481.800m², đất rừng sản xuất giấy chứng nhận số BA 866776 do UBND tỉnh cấp ngày 15/02/2011. Diện tích đất bà Nhắc đang tranh chấp chỉ là một phần diện tích trong giấy chứng nhận đã được cấp cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên. Còn lại diện tích 8723,5m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ địa chính số 1 và 8276,3m² thuộc thửa số 11, tờ bản đồ địa chính số 1 không thuộc đất của Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Kết quả định giá tài sản: Về giá đất rừng tại xóm Bãi Vàng, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (Vị trí 3) theo Hội đồng định giá xác định có đơn giá 9.000đ/1m². Vì vậy diện tích đất tranh chấp qua đo được diện tích theo hiện trạng là 247.299,8m² có giá trị là 247.299,8m² x 9.000đ/1m² = 2.225.698.200 (Hai tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng)

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên đương sự đều nhất trí với kết quả thẩm định và giá do Hội đồng định giá xác định.

Do vậy xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776 có diện tích 6.481.800m², tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 1 xã Hợp

Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và thửa số 182, tờ bản đồ địa chính số 4 xã Hợp Tiến có diện tích 600868,0m², đất rừng sản xuất giấy chứng nhận số BA 866527 do UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011 là có căn cứ và đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xác định toàn bộ diện tích đất 247.299,8m² thuộc quyền quản lý của bà Trần Thị Nhắc và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866776, tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866527, tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 4 xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH MTV Ván dăm là không có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu của bà Nhắc yêu cầu Tòa án hủy các hợp đồng giao khoán do bị ép buộc và ký không. Bà Nhắc cho rằng khi ký các hợp đồng giao khoán từ năm 2013, 2015, 2016, 2017, do thiếu hiểu biết nên đã ký hợp đồng với công ty, công ty có đầu tư tiền, còn cây giống, phân bón bà Nhắc tự bỏ vốn mua, thỏa thuận khi đến chu kỳ thu hoạch cây thì Công ty lấy 27m³ gỗ/1ha. Nhưng tất cả Hợp đồng này do Công ty thảo sẵn nội dung, không được thỏa thuận nội dung trong hợp đồng, trong nội dung hợp đồng không có lô, khoảnh, diện tích là gì, dấu của UBND xã là dấu đen, còn dấu của công ty là dấu đỏ và công ty ép phải ký.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng:

Trước năm 1998, Lâm trường Đông Hỷ đã thực hiện giao khoán cho hộ nhận khoán là bà Trần Thị Nhắc bằng hồ sơ giao đất, giao rừng. Năm 1999, Lâm trường Đông Hỷ đã ký Hợp đồng trồng và chăm sóc rừng trồng – vốn vay tín dụng cho hộ trồng rừng là bà Trần Thị Nhắc số 24/HĐTR ngày 20/01/1999

Thực hiện Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước phải bằng Hợp đồng giao khoán. Ngày 21/01/2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã có công văn số 34/CTVDTN về việc tăng cường biện pháp quản lý, sử dụng rừng và đất rừng. Trong đó Công ty yêu cầu các hộ nhận khoán trước đây được Lâm trường Đông Hỷ giao khoán bằng hồ sơ giao đất, giao rừng(sổ xanh) phải chuyển sang Hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/CP.

Thực hiện Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh. Từ năm 2006 đến năm 2016 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên đã thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng trên đất của Công ty được giao quản lý bằng các Hợp đồng giao khoán với các hộ dân. Từ ngày 15/02/2017 Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên thực hiện giao khoán trồng, chăm sóc bảo vệ rừng theo Nghị định

168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH Một thành viên Nông, Lâm nghiệp nhà nước. Về mô hình giao khoán, cơ chế giao khoán, cơ chế hưởng lợi được thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp.

Xét các Hợp đồng giao nhận khoán bà Nhắc ký với Công ty đều dựa trên cơ sở có Đơn xin nhận khoán, các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do bà Trần Thị Nhắc trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có chữ ký và xác nhận của UBND xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Nội dung trong hợp đồng không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội thể hiện rõ nội dung khoán, công việc, đầu tư vốn, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng. Từ khi bà Nhắc ký Hợp đồng nhận khoán bắt đầu năm 2001 và các năm tiếp theo với Công ty bà Nhắc không có ý kiến thắc mắc gì, bà Nhắc vẫn nhận đầu tư và tiến hành trả sản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng.

Đến cuối năm 2019 bà Nhắc mới khởi kiện ra Tòa án, sau khi Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đến ngày 06/8/2021 bà Nhắc vẫn tiến hành trả sản cho Công ty theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Ông Phạm Văn Trình - Nguyên đội trưởng đội sản xuất của Công ty xác định trong thời gian làm đội trưởng ông không thu khoán tiền nào của người nhận khoán mà việc thu là do kế toán công ty thu có hóa đơn thu chi giao cho các hộ nhận khoán. Khi ký các hợp đồng giao khoán thì người nhận khoán đã biết và được thỏa thuận nội dung hợp đồng, có đơn xin nhận khoán, hợp đồng đã có nội dung được đánh máy đầy đủ các điều khoản và người nhận được đọc, thông qua nội dung trong hợp đồng nhất trí mới ký hợp đồng. Việc ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc, không có ký khống, vì đất này thuộc quyền quản lý của công ty nên nếu hộ dân nào không ký thì sẽ có hộ dân khác ký Hợp đồng giao khoán với công ty.

Như vậy, việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa bà Trần Thị Nhắc với Công ty Lâm nghiệp là trên cơ sở quy định của pháp luật, hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

Vì vậy việc bà Nhắc và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Công ty ép và cho ký khống các hợp đồng, đề nghị giám định tuổi mục trong hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xác định toàn bộ cây cối, đường đi trên đất là của nguyên đơn. Bà Nhắc xác định từ khi nhận và khai hoang đất bà đã tiến hành trồng toàn bộ cây trên đất, việc trồng cây là do bà tự bỏ vốn để đầu tư giống và phân bón, một số hợp đồng giao khoán bà có nhận một phần đầu tư của công ty, có một phần diện tích bà không ký hợp đồng, không nhận đầu tư của công ty.

Ngoài ra khoảng năm 2007, bà tiến hành mở rộng đường tại diện tích rừng được Lâm trường Đồng Hỷ giao và diện tích đất khai hoang. Bà đầu tư khoảng 832 tiếng để thuê máy mức với giá tiền 400.000đ/1tiếng và 150 tiếng thuê với giá 450.000đ mở rộng đường để khai thác lâm sản.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ bản trích đo hiện trạng do bà Nhắc dẫn đạc, được Công Ty TNHH Hà Nguyên Châu đo vẽ xác định diện tích đất tại khu vực 1 (BL 430) có diện tích đất tranh chấp **213.388,0m²** nằm vào thửa số 30, tờ bản đồ địa chính số 1 xã Hợp Tiến, diện tích keo: 180.624,2m², diện tích mỡ 40.367,2m², diện tích đường chờ gỗ: 9396,4m²; Tại khu vực số 2 (BL 434) có diện tích đất tranh chấp **19.002,8m²** nằm vào thửa số 182, tờ bản đồ địa chính số 4 xã Hợp Tiến, diện tích keo: 13.159,8m², diện tích phân: 5119,9m², diện tích đường: 723,1m²; tại khu vực 3 (BL 436) có diện tích đất tranh chấp **14909,0m²** nằm vào thửa số 30, tờ bản đồ địa chính số 1 xã Hợp Tiến, diện tích keo: 14909m².

Như vậy, bà Nhắc đã trồng cây, mở đường trên phần đất của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một số cây trồng trên diện tích do bà Nhắc ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty, một số diện tích cây bà Nhắc chưa ký Hợp đồng giao nhận khoán với công ty mà tự ý lấn chiếm để trồng. Nguyên đơn là bà Nhắc chỉ yêu cầu hủy tất cả các Hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng do bị ép và ký khống, không yêu cầu giải quyết đòi với số tiền mở đường. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bị đơn quyền được yêu cầu phản tố đối với yêu cầu giải quyết các hợp đồng giao khoán đã ký kết với nguyên đơn nhưng bị đơn không có yêu cầu gì, nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì bị đơn sẽ khởi kiện vụ án riêng.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy, cây trồng trên đất được phát sinh từ việc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng giữa bên giao khoán là Công ty lâm nghiệp, là công ty được Nhà nước giao đất để thực hiện việc giao nhận khoán trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng trên diện tích đất của Công ty với người nhận khoán. Đây là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, việc phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định về giao kết hợp đồng của Bộ luật dân sự và các quy định của pháp luật. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu Hủy các hợp đồng của nguyên đơn, do vậy Hội đồng không xem xét đến quyền lợi và nghĩa vụ của các bên được phát sinh trong các hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án riêng.

[4] Về chi phí tố tụng: bà Trần Thị Nhắc phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 30.200.000 đồng. Bà Nhắc đã nộp và chi phí xong.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn không phải chịu án phí DSST.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nhắc là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên xét miễn án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước cho bà Nhắc.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước.

- Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh.

- Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003;

- Điều 7, 10 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp GCNQSD đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

- Điều 2, 8, 12, 36, 40 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991;

- Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

- Điều 7, 8, 24, 28 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

- Điều 99, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;

- điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban

hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nhắc về việc yêu cầu công nhận 247.299,8m² diện tích đất thuộc quyền quản lý của bà Trần Thị Nhắc (trong đó diện tích 19002,8m² có vị trí thuộc thửa số 182, tờ bản đồ địa chính số 4 xã Hợp Tiến có diện tích 600868,0m², đất rừng sản xuất và diện tích 228.297m² có vị trí thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 01 có diện tích 6.481.800m², đất rừng sản xuất) và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 866527 và BA 866776 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên ngày 15/02/2011.

(Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Nhắc về việc Hủy tất cả các hợp đồng giao, nhận khoán trồng rừng mà bà Nhắc cho rằng bị ép ký và ký không

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Nhắc phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản(đã chi phí xong).

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Nhắc.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự. Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

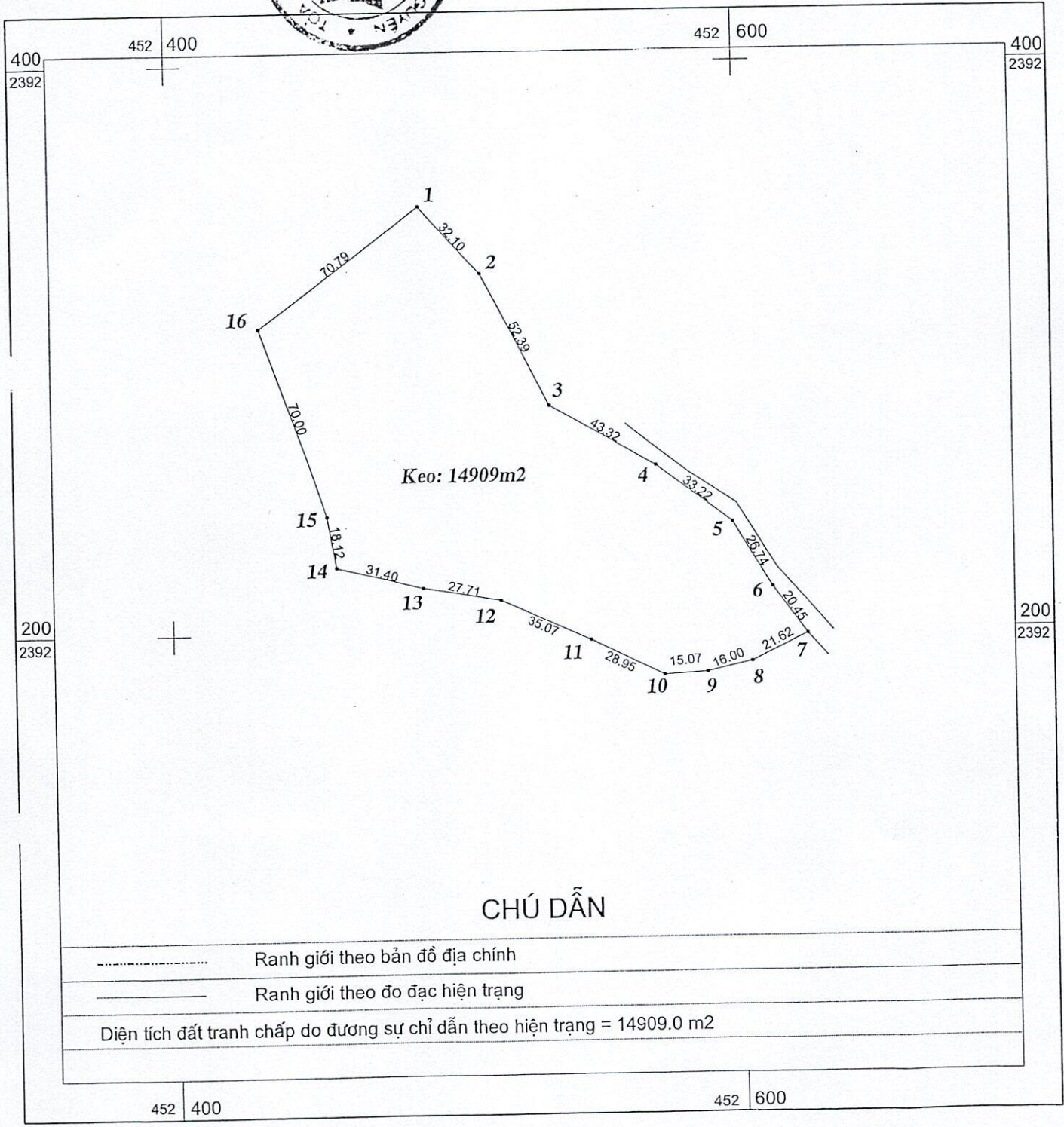
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa



Chăm Thị Vân Khánh

TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT BÀ: TRẦN THỊ NHẠC TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN



Đo vẽ tháng 1 năm 2021

Người đo vẽ:

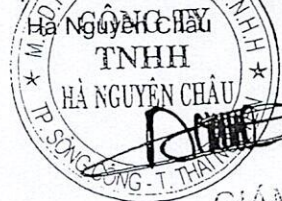
Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:2000

1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

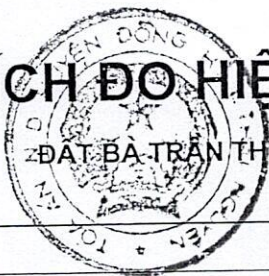
Tháng 12 năm 2021

Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH



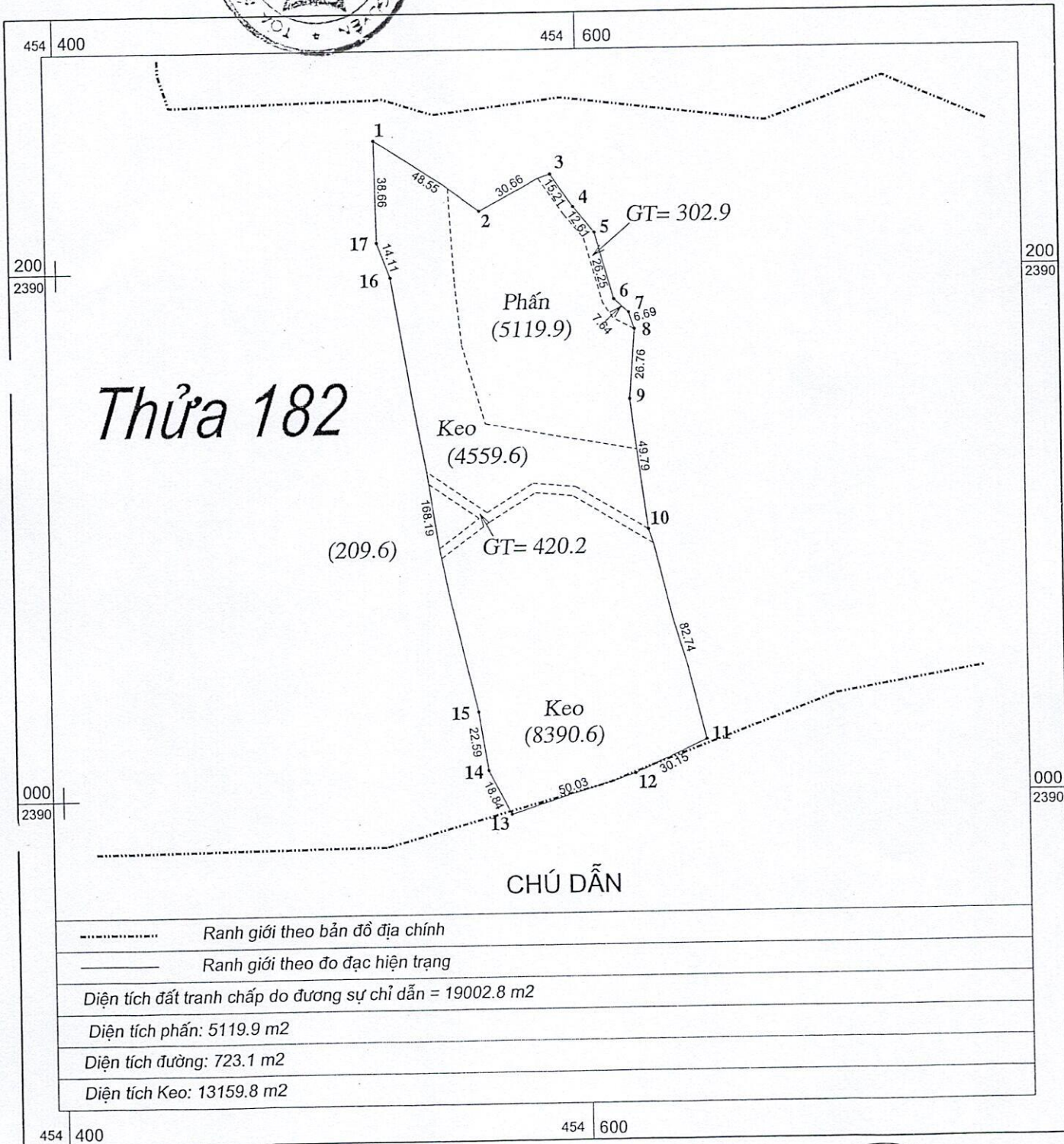
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Diên



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT BÀ TRẦN THỊ NHẮC TẠI XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN



Đo vẽ tháng 01 năm 2021
Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huân

TỈ LỆ 1:2000
1 cm trên bản đồ bằng 20 m trên thực địa

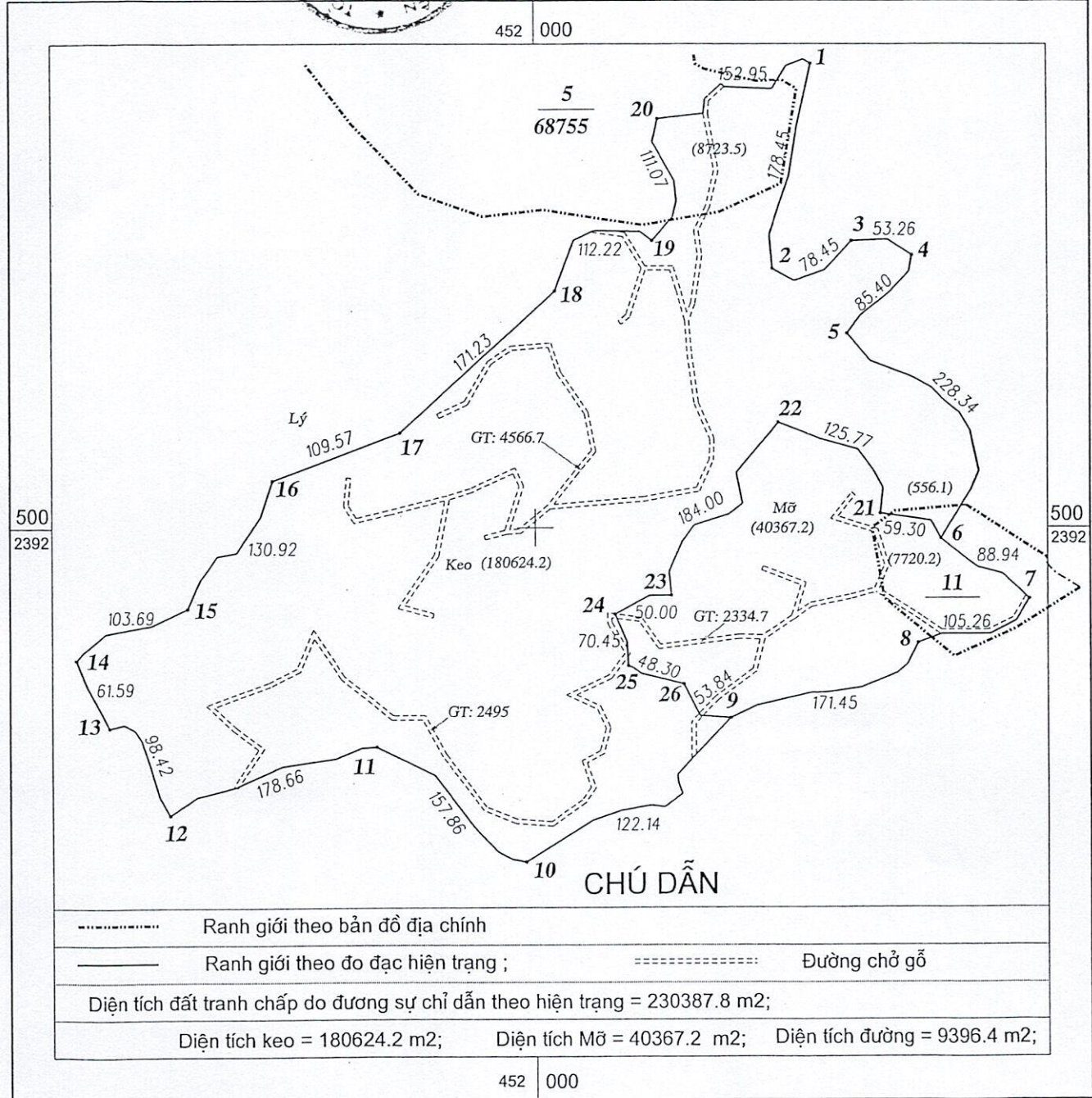


GIÁM ĐỐC
Trần Văn Điền



TRÍCH ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

ĐẤT BA TRẦN THỊ NHẮC XÓM BÃI VÀNG XÃ HỢP TIẾN



| | | | |
|--|------------------------------------|---|--------------|
| ----- | Ranh giới theo bản đồ địa chính | ===== | Đường chỗ gỗ |
| ————— | Ranh giới theo đo đạc hiện trạng ; | | |
| Diện tích đất tranh chấp do đương sự chỉ dẫn theo hiện trạng = 230387.8 m ² ; | | | |
| Diện tích keo = 180624.2 m ² ; | | Diện tích Mỡ = 40367.2 m ² ; Diện tích đường = 9396.4 m ² ; | |

Đo vẽ tháng 01 năm 2021

Người đo vẽ:

Nguyễn Văn Huấn

TỈ LỆ 1:5000

1 cm trên bản đồ bằng 50 m trên thực địa

Tháng 01 năm 2021
 Cơ quan đo vẽ: Công ty TNHH



GIÁM ĐỐC
 Trần Văn Diên